

THỰC TRẠNG, NGUYÊN TẮC VÀ XU HƯỚNG BIÊN SOẠN GIÁO TRÌNH HÁN NGỮ TRONG NHỮNG NĂM TRỞ LẠI ĐÂY

*Nguyễn Quang Hưng**

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 04/01/2021

Ngày nhận kết quả phản biện đánh giá: 05/7/2021

Ngày bài báo được duyệt đăng: 29/7/2021

Tóm tắt: “Giáo trình Hán ngữ” là giáo trình đầu tiên được xuất bản năm 1958, đến nay đã hơn 60 năm[†]. Tính đến nay Trung Quốc đã có gần 20.000 giáo trình Hán ngữ đã được xuất bản với hơn 20 nhà xuất bản khác nhau[‡]. Công tác xây dựng tài liệu dạy học không nằm ở việc thường xuyên xuất bản tài liệu dạy học “mới” mà cần có sự đột phá và đổi mới. Xây dựng và biên soạn là một công việc phức tạp, nếu chỉ dựa trên một số nguyên tắc thông thường là chưa đủ, với sự phát triển của các ngành học, phương pháp giáo dục đổi mới từng ngày, bởi vậy việc tổng kết kinh nghiệm thực tiễn là vô cùng cần thiết. Chúng ta cần nghiên cứu và thảo luận nhiều hơn nữa về các nguyên tắc cơ bản của việc biên soạn giáo trình, về thiết kế tài liệu dạy và học tiếng Trung Quốc cho phù hợp hơn và hoàn thiện hơn. Trong những năm gần đây, giáo trình giảng dạy tiếng Trung hiện nay trên cơ sở kế thừa những ưu điểm của những bộ giáo trình trước đây có nhiều cập nhật và đổi mới tích cực đáng mừng, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập tiếng Trung Quốc.

Từ khóa: Biên soạn, giáo trình, Hán ngữ, xu hướng, nguyên tắc.

I. Dẫn nhập

Kể từ khi Hanban[§] đưa ra Kỳ thi Năng lực Tiếng Trung mới (HSK) vào năm 2009, số lượng thí sinh và trung tâm luyện thi trên khắp thế giới ngày càng tăng. Theo People’s Daily - Nhân Dân nhật báo (Wang Jinhai, 2014), tính đến tháng 3 năm 2014, người học tiếng Trung trên toàn thế giới đã có hơn 100 triệu người. Từ ngày 27/12/2014 đến nay, Viện Khổng Tử tại

Hà Nội đã có gần 5000 lượt thí sinh tham gia các đợt thi HSK và HSKK, chỉ riêng tháng 1/2020 là 1200 lượt thí sinh tham gia thi, tháng 5/2020 là 1700 lượt thí sinh.[¶]

Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, trong 7 tháng đầu năm 2019, các nhà đầu tư Trung Quốc đã đổ lượng vốn hơn 1,78 tỷ USD vào Việt Nam. Hiện tại, số lượng công ty Trung Quốc đầu tư vào Việt Nam là cực lớn nên nhu cầu nhân

* Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

† 郭加兵. 对外汉语初级综合教材习题对比研究[D].内蒙古师范大学,2018.

‡ 唐瑜. 从认知心理学的角度浅析对外汉语教材的编写[D].重庆师范大学,2017.

§ Hanban, viết tắt của Văn phòng tiểu ban điều hành phát triển Hán ngữ quốc tế nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, một đơn vị sự nghiệp trực thuộc bộ giáo dục Trung Quốc.

¶ <http://www.xhyb.net.cn/news/guoji/2020/0113/101919.html>

lực có hiểu biết về Tiếng Trung cũng cần rất nhiều. Trung bình mỗi năm, các doanh nghiệp cần tuyển hơn 3.000 lao động và nhu cầu nhân sự ngành này dự kiến sẽ tiếp tục tăng cao trong nhiều năm tới. Khi biết Tiếng Trung thì đó sẽ là lợi thế cạnh tranh của bạn khi đi xin việc tại các công ty có vốn đầu tư Trung Quốc với mức lương và chế độ đãi ngộ hấp dẫn.

Bên cạnh đó, theo số liệu thống kê của Tổng cục Du lịch, tổng lượt khách Trung Quốc đến Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2019 là 3.372.261 lượt, chiếm 29,82%, tỷ lệ cao nhất trong thị trường khách du lịch đến với Việt Nam. Điều này, cũng đồng nghĩa với việc nhu cầu nguồn nhân lực thành thạo tiếng Trung sẽ còn tăng cao theo cấp số nhân ở rất nhiều lĩnh vực.**

Đối mặt với nhu cầu lớn như vậy, có thể nói tài liệu học tập tiếng Trung Quốc nói chung, giáo trình giảng dạy nói riêng đóng một vai trò vô cùng quan trọng.

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu, tiến hành tổng hợp và phân tích số liệu các kết quả nghiên cứu trước đó và thời điểm hiện tại của các nhà khoa học nghiên cứu về những vấn đề như: thực trạng, nguyên tắc biên soạn giáo trình Hán ngữ và xu hướng biên soạn giáo trình Hán ngữ trong thời gian gần đây.

II. Tổng quan tình hình nghiên cứu

2.1. Nghiên cứu tổng thể về công tác biên soạn giáo trình Hán ngữ tại Trung Quốc

Ông Li Tianmu đến từ Mỹ từng đánh giá một số sách giáo khoa được biên soạn ở Trung Quốc vào đầu những năm 1980 trong “Sơ lược về sách giáo khoa tiếng Trung của Học viện Ngôn ngữ Bắc

Kinh” (1983) rằng: Nội dung đôi khi quá hệ thống, quá chi tiết, và đơn điệu, giáo trình thiếu sự lồng ghép chủ điểm văn hoá trong các bài học, nội dung giảng dạy còn thiếu những kiến thức thực tế, hay nói cách khác, về mặt ngôn ngữ, những gì được nói trong sách giáo khoa này không giống như những gì bạn nghe trên đường phố, sách giáo khoa và bài tập thiếu tính thú vị, thiếu thực hành và giao tiếp, ngôn ngữ nói và viết chưa được phân định rạch ròi.

Nhà nghiên cứu Song Bingzheng (1991) trong “Vấn đề biên soạn sách giáo khoa tiếng Trung sơ cấp”, khi nói về sự phù hợp của sách giáo khoa, ông đã chỉ ra rằng công tác biên soạn sách giáo khoa hiện nay vẫn chưa xuất phát từ góc độ người học, còn thiếu những giáo trình được biên soạn dành riêng cho người học đến từ những nước khác nhau.

Nếu giáo trình Hán ngữ dành cho đối tượng người học là ngôn ngữ thứ hai được bổ sung nghĩa gốc của từng chữ Hán sẽ nâng cao hứng thú học và giúp người học tiếp thu hiệu quả hơn. Về mặt nội dung và hình thức của văn bản, có thể nhận thấy nhiều câu thoại trong sách giáo khoa cứng nhắc, giống như câu hỏi và câu trả lời trong cuộc thẩm vấn, thiếu tính thực tế trong giao tiếp thông thường và chỉ phục vụ cho mục đích cho việc mô tả ngữ pháp và chức năng ngữ pháp.

Nhà nghiên cứu Li Xiaoliang (1996) trong “Một số vấn đề trong dạy tiếng Trung như một ngoại ngữ” thì cho rằng, những đoạn hội thoại trong các giáo trình khá nhàm chán, cố gắng đưa một số câu không liên quan hoặc cực kỳ mất tự nhiên và mục đích chính là minh hoạ cho chủ điểm ngữ pháp trong bài học dẫn đến hiệu

** <http://nganhngoingu.edu.vn/tin-tuc-nganh-ngoai-ngu/thuc-trang-nganh-tieng-trung-hien-nay/>

quả giảng dạy và học tập tiếng Trung như một ngoại ngữ gặp nhiều khó khăn, kém thú vị.

Giáo sư Xu Jiazhen người Úc (1997) đã nói rõ trong bài báo “Nhận xét về sách giáo khoa tiếng Trung sơ cấp do Đại lục biên soạn từ quan điểm của người dùng ở nước ngoài” cho rằng: cần có cuộc thay đổi mang tính cách mạng về nội dung và hình thức.

Ông đưa ra hàng loạt những vấn đề mà giáo trình Hán ngữ đang gặp phải, đó là nội dung quá “Trung Quốc hóa”; một số văn bản không phù hợp với nhu cầu của người học trẻ tuổi; mục tiêu nâng cao năng lực khẩu ngữ cho người học chưa được rõ ràng; việc dạy ngôn ngữ và dạy văn hóa chưa được tích hợp chặt chẽ; các mẫu câu ngữ pháp chưa được giải thích rõ ràng và ngắn gọn; tính hệ thống trong các kết cấu ngữ pháp chưa chặt chẽ; chưa có bộ sách giáo khoa nào tích hợp đầy đủ và hiệu quả bốn kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết; tài liệu đọc và luyện tập quá ít, hoặc nếu có thì nội dung quá khó và thiếu thú vị.

22 Nghiên cứu tổng thể về công tác biên soạn giáo trình Hán ngữ tại khu vực Đông Nam Á trong đó có Việt Nam

Đông Nam Á là một trong những khu vực trung tâm của cơn sốt tiếng Trung và việc bản địa hóa trong công tác biên soạn giáo trình tiếng Trung ngày càng được chú ý. Tuy nhiên, do các yếu tố như văn hóa, môi trường địa lý, phong tục tập quán..., giáo trình Hán ngữ dành cho học sinh khu vực này còn thiếu về số lượng, thiếu tính thực tế, thiếu sự thú vị và chưa đạt được chất lượng cao. Các giáo trình tiếng Trung được sử dụng trong các lĩnh vực này chủ yếu gồm:

1. Giáo trình tiếng Trung do các trường đại học lớn ở Trung Quốc biên soạn. Ví dụ: “Giáo trình tiếng Trung thực hành” và “Khóa học tiếng Trung” của Yang Jizhou thường được sử dụng ở Thái Lan; các sách giáo khoa như “Tiếng Trung” thường được sử dụng ở Indonesia; “Giáo trình Hán ngữ” “Boya”, “Giáo trình Phát triển Hán ngữ” thường được sử dụng ở Việt Nam; “Tiếng Trung vui vẻ” được sử dụng phổ biến ở Lào.

2. Sách giáo khoa “mang tính bản địa” do các trường đại học trong nước biên soạn hoặc điều chỉnh, chẳng hạn như sách được sử dụng ở Thái Lan, Philippines, Singapore và các nước khác, như “Thais Learn Chinese” của Zhang Junsong, Thái Lan.

3. Giáo trình do giáo viên bản địa kết hợp với các chuyên gia Trung Quốc biên soạn như: bộ 40 sách giáo khoa Hán ngữ do Sở giáo dục Bangkok, Thái Lan tuyển chọn từ những giáo trình do giáo viên bản địa kết hợp với các chuyên gia Trung Quốc biên soạn.

4. Một số trường giảng dạy Hán ngữ ở Lào sử dụng phiên bản PEP^{††} dành cho các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông.

5. Giáo trình Hán ngữ phồn thể do Ủy ban Hoa kiều Đài Loan, Bộ Giáo dục Singapore và một số Hoa kiều biên soạn hiện đang được sử dụng khá phổ biến, như: “Giáo trình Hán ngữ mới”, phiên bản Indonesia” và “Trí tuệ nhân sinh” (tiếng Trung phồn thể) được sử dụng ở Indonesia, “Tiếng Trung dành cho trường tiểu học” được sử dụng ở Singapore và “Nuôi dưỡng tiếng Trung” được sử dụng ở Java....

^{††} Giáo trình tiếng Anh dùng cho người Trung Quốc

6. Giáo trình Hán ngữ do các chuyên gia Trung Quốc và nước ngoài cùng biên soạn, như “Giáo trình dạy tiếng Trung cho trẻ em” hiện đang được Thái Lan đưa vào sử dụng.

Tóm lại, công tác nghiên cứu phát triển và xuất bản tài liệu giảng dạy tiếng Trung ở Đông Nam Á tương đối tụt hậu. Giáo trình giảng dạy Hán ngữ được chuyên gia bản địa biên soạn không nhiều, chủ yếu sử dụng giáo trình do các chuyên gia Trung Quốc biên soạn tại Trung Quốc.

III. Nguyên tắc biên soạn giáo trình Hán ngữ

3.1. Phân loại giáo trình Hán ngữ

Theo Lu Bisong, căn cứ từ bốn góc độ khác nhau để phân loại giáo trình Hán ngữ:

Phân loại theo góc độ loại hình dạy học: Giáo trình giảng dạy phổ thông, giáo trình dự bị, giáo trình chuyên ngành, giáo trình giảng dạy mục đích đặc thù.

Phân loại dưới góc độ loại hình bài giảng: Có thể phân thành giáo trình tổng hợp, giáo trình kỹ năng tiếng.

Phân loại dưới góc độ của đối tượng giảng dạy: Có thể căn cứ vào độ tuổi khác nhau để chia thành những loại giáo trình như: Giáo trình dành cho trẻ em, giáo trình dành cho người lớn.

Phân loại vào trình độ có thể chia ra thành giáo trình Hán ngữ sơ, trung và cao cấp....

Phân loại dưới góc độ phương pháp giảng dạy: Căn cứ theo nguyên tắc và yêu cầu giảng dạy có thể biên soạn ra nhiều loại giáo trình, như: giáo trình giảng dạy theo từng kỹ năng; giáo trình chuyên ngữ pháp, giáo trình văn hoá, văn minh; giáo trình tổng hợp; giáo trình chuyên ngành.

Theo Zhao Jinming, giáo trình Hán ngữ có thể phân ba loại như sau:

Phân loại về trình độ: sơ cấp, trung cấp, cao cấp.

Phân loại theo góc độ truyền thụ kiến thức: Ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, Hán tự.

Phân loại theo góc độ đào tạo kỹ năng có thể phân thành: Nghe, Nói, Đọc, Viết, Dịch.

Lấy cơ sở đối chiếu ngôn ngữ văn hoá, có thể biên soạn những giáo trình đặc thù về quốc gia, ngôn ngữ mẹ đẻ, bối cảnh văn hoá, môi trường học tập cho người học.

Giáo trình mang tính chất đặc thù như: giáo trình tin tức, báo chí, giáo trình đàm phán thương mại, giáo trình giao lưu thương vụ v.v...

Giáo trình khác như: Giáo trình cấp tốc; giáo trình ngắn hạn; giáo trình dành cho thiếu nhi; giáo trình riêng biệt cho một nhóm đối tượng; giáo trình cập nhật liên tục, giáo trình khu vực; giáo trình ngôn ngữ địa phương như: giáo trình tiếng Quảng Đông, giáo trình tiếng Mãn Nam; giáo trình phát thanh truyền hình; giáo trình giảng dạy từ xa; giáo trình dành cho người Hoa v.v...

3.2. Các nguyên tắc biên soạn giáo trình

Xây dựng và biên soạn sách giáo khoa là một công việc phức tạp, nếu chỉ dựa trên một số nguyên tắc thông thường là chưa đủ, với sự phát triển của các ngành học, phương pháp giáo dục đổi mới từng ngày, bởi vậy việc tổng kết kinh nghiệm thực tiễn trong công tác là vô cùng cần thiết. Cần nghiên cứu và thảo luận nhiều hơn nữa về các nguyên tắc cơ bản của việc biên soạn giáo trình, về thiết kế tài

liệu dạy cho học phù hợp hơn và hoàn thiện hơn.

Năm 2006, Bộ Giáo dục Trung Quốc phát hành bộ “Tiêu chuẩn biên soạn giáo trình Hán ngữ dành cho tiểu học và trung học dân tộc hệ chính qui”, trong đó có đưa ra mục tiêu, đánh giá và kiến nghị về nguyên tắc biên soạn giáo trình, phát triển và sử dụng tài nguyên giáo trình, kiến nghị về giảng dạy và đánh giá. Trong bộ tiêu chuẩn này có đưa ra những kiến nghị cụ thể để biên soạn giáo trình Hán ngữ dành cho đối tượng người học là ngôn ngữ thứ hai^{††}. Căn cứ vào tiêu chuẩn trên, các nhà khoa học đã tổng kết và đưa ra các nguyên tắc hoặc yêu cầu cơ bản như sau:

1. Nguyên tắc định hướng: Xác định xu hướng cơ bản của giáo trình chuẩn bị biên soạn, bao gồm xác định tính chất của giáo trình được biên soạn (định tính); xác định vị trí biên soạn (định vị) sách giáo khoa và quy định về lượng sách giáo khoa biên soạn (định lượng), gồm: xác định hình thức dạy học như thế nào, loại sách gì, đối tượng dạy học là ai, cấp độ nào của sách, số lượng sách bao nhiêu, thời gian học trong bao lâu.

2. Nguyên tắc đích: Nguyên tắc đích dựa trên việc phân tích nhu cầu của đối tượng dạy học như trình độ văn hóa, mục đích học, thời gian học, nền tảng ngôn ngữ đích hiện có. Mục tiêu của tài liệu dạy học là linh hồn và là kim chỉ nam cho việc thiết kế và biên soạn, là điểm xuất phát và đích đến của việc thiết kế và biên soạn tài liệu dạy học. Sách giáo khoa cần có mục tiêu rõ ràng, điều này có vẻ hiển nhiên, nhưng tình hình thực tế thì chưa làm tốt

được điều này. Nhiều giáo trình hiện đang được lưu hành chưa rõ đến mục tiêu của sách, hoặc đưa ra mục tiêu mơ hồ hoặc chưa chính xác.

3. Nguyên tắc đặc trưng là việc thiết kế và biên soạn sách giáo khoa, từ lý thuyết đến thực hành, từ văn phong đến tổ chức, xem xét sự khác biệt giữa sách giáo khoa chuẩn bị biên soạn với sách giáo khoa tương tự trước đây. Khi biên soạn sách giáo khoa, cần tính đến sự liên hệ và khác biệt của nó với các sách giáo khoa trước đây, đó là vấn đề kế thừa và phát triển. Nếu không có ý tưởng và điểm mới trong việc thiết kế tài liệu dạy học thì cần phải xem tài liệu dạy học đó có giá trị như thế nào.

Nhiều nhà khoa học khi xây dựng, biên soạn sách giáo khoa có xu hướng mới, nhưng cũng cần xem xét những “xu hướng mới” này có phù hợp với quy tắc dạy và học ngoại ngữ hay không, có phù hợp với đặc điểm, đối tượng dạy học không, có lợi cho việc thực hiện các mục tiêu giảng dạy và tài liệu giảng dạy hay không, tất cả những điều này đều cần được phân tích, đánh giá một cách cụ thể và khoa học.

Phân tích, tìm hiểu các yếu tố nhận thức của người học và hướng dẫn, sử dụng chúng một cách hợp lý luôn là yêu cầu cơ bản và là kim chỉ nam cho các nhà nghiên cứu, xây dựng giáo trình Hán ngữ.

4. Nguyên tắc của thời đại: Trong quá trình thiết kế và biên soạn tài liệu dạy học, việc áp dụng các học thuyết trong giảng dạy, các phương pháp giảng dạy, xây dựng mục tiêu tài liệu dạy học, biên soạn văn bản, mô tả kiến thức, sử dụng

^{††} Tiêu chuẩn biên soạn giáo trình Hán ngữ dành cho tiểu học và trung học dân tộc hệ chính qui, Bộ giáo dục Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, 2006

phương pháp dạy học hiện đại, v.v., đều phản ánh những kết quả mới trong nghiên cứu biên soạn sách giáo khoa, đồng thời phản ánh trình độ và nhu cầu phát triển của thời đại.

Nói cách khác, tất cả các khía cạnh liên quan đến việc biên soạn sách giáo khoa cần phản ánh việc đổi mới kiến thức, đổi mới quan niệm và phương pháp dạy học, điều này được phản ánh thông qua những kết quả thu được trong công tác phát triển môn học và nhận thấy được trình độ mới của việc biên soạn giáo trình tiếng Trung đang dần đáp ứng nhu cầu của sự phát triển và những thay đổi của thời đại.

Một số giáo trình đã khắc phục được những điểm còn thiếu sót có sự thay thế, lược bỏ hoặc giản lược một số chủ điểm ngữ pháp đã lỗi thời. Do đó, nội dung đã sát với thực tế hơn, từ vựng mới được cập nhật và bổ sung, thay thế cho những từ đã cũ hoặc không còn sử dụng.

5. Nguyên tắc khác biệt: Quá trình thiết kế và biên soạn sách giáo khoa cần xem xét đầy đủ các yếu tố phong cách, loại văn phong nào nên được dạy trong sách giáo khoa, đặc điểm phong cách của các văn bản được biên soạn. Mục đích cơ bản của việc dạy ngôn ngữ thứ hai là giúp người học nắm vững các đặc điểm và quy tắc sử dụng của các phong cách ngôn ngữ khác nhau của ngôn ngữ đích, việc lựa chọn các tài liệu và cách diễn đạt ngôn ngữ thích hợp sẽ dạy người học sử dụng ngôn ngữ đích một cách thích hợp để giao tiếp.

Thiết kế và biên soạn cần lên kế hoạch cẩn thận về phong cách của giáo trình cần có như: phong cách hội thoại, phong cách lập luận và phong cách phát

biểu trong văn nói, phong cách lý luận chính trị, văn học, phong cách khoa học trong văn bản, phong cách về ngôn ngữ và cách diễn đạt, v.v... Không chỉ vậy, mỗi phong cách được đề cập ở đây có thể được phân loại thêm, ví dụ như: phong cách hội thoại ít nhất có thể phân biệt phong cách trò chuyện gia đình, phong cách giao tiếp chung, phong cách hội thoại chính thức, v.v. và phong cách văn bản chính thức cũng có thể phân biệt tư pháp, cơ quan hành chính, cơ quan ngoại giao, cơ quan kinh doanh, cơ quan quảng cáo, v.v.

Một số giáo trình Hán ngữ xuất bản trong những năm gần đây đã phân định khá rõ phong cách riêng giúp người học nắm rõ hơn các đặc điểm và quy tắc sử dụng của các phong cách ngôn ngữ khác nhau của ngôn ngữ đích.

6. Nguyên tắc văn hóa: Nguyên tắc về văn hóa đòi hỏi nhận thức về việc giảng dạy văn hóa ngôn ngữ đích cần được nâng cao trong quá trình thiết kế và biên soạn sách giáo khoa, đồng thời phải xử lý tốt mối quan hệ giữa văn hóa ngôn ngữ đích và văn hóa ngôn ngữ mẹ đẻ của người học.

Việc lồng ghép các yếu tố văn hóa ngôn ngữ vào biên soạn sách giáo khoa có lẽ không khó. Cái khó là nội hàm của văn hóa đó là gì và lồng ghép nó như thế nào, khó hơn là việc để tìm ra điểm tương đồng và sự khác biệt giữa hai nền văn hóa. Chỉ những người thông thạo hai ngôn ngữ và hai nền văn hóa mới có thể đảm nhận công việc này. Tuy nhiên, việc biên soạn bất kỳ loại tài liệu dạy học ngôn ngữ thứ hai, ngoại ngữ nào cũng không thể và không tránh khỏi cách xử lý các yếu tố văn hóa và nội hàm văn hóa, vốn được xác định bởi bản chất và mục đích của việc dạy học ngoại ngữ thứ hai.

Do đó, việc thiết kế và biên soạn tài liệu giảng dạy cần lựa chọn và sắp xếp các điểm văn hóa một cách hợp lý. Các điểm văn hóa này nhìn chung phải là văn hóa chủ đạo của ngôn ngữ đích, văn hóa hiện đại, văn hóa liên quan chặt chẽ đến giao tiếp ngôn ngữ đích và văn hóa khác từ văn hóa ngôn ngữ mẹ đẻ của người học. Thái độ đối với các nền văn hóa khác nhau trong tài liệu giảng dạy cần phải tôn trọng và bình đẳng, khoan dung và đa dạng, giao tiếp và hiểu biết, tìm kiếm điểm chung đồng thời giữ gìn sự khác biệt, nắm bắt xu hướng chủ đạo.

Một số giáo trình Hán ngữ mới xuất bản trong những năm gần đây ngoài việc lồng ghép những chủ điểm văn hoá như phong tục tập quán, nghệ thuật dân gian vào bài khoá, còn có thêm phần phụ lục cuối mỗi bài như một dạng “thường thức” để người học có thể tìm hiểu thêm.

Mục tiêu cơ bản của việc giảng dạy văn hóa trong sách giáo khoa là nâng cao nhận thức của người học về giao tiếp giữa các nền văn hóa, nâng cao khả năng của người học trong việc xác định các điểm văn hóa của ngôn ngữ đích.

7. Nguyên tắc thú vị: Tính thú vị của sách giáo khoa là yêu cầu chung của việc biên soạn các loại sách giáo khoa các cấp, việc nâng cao tính hứng thú của sách phù hợp với quy luật chung của tâm lý nhận thức và tâm lý giáo dục. Đối với việc biên soạn sách, việc nâng cao và tạo hứng thú cho tài liệu dạy học đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và củng cố động cơ học tập của người học.

Nội dung của sách như văn bản, từ vựng, ngữ pháp, ghi chú, bản dịch, bài tập, định dạng sách như thiết kế bìa, khổ giấy, kiểu dáng, cỡ chữ, hình minh họa, ảnh,

loại giấy in, hiệu ứng in ấn, v.v... đều được quan tâm hơn.

Tài liệu giảng dạy có hấp dẫn hay không cần phải được đối tượng học và đối tượng giảng dạy đánh giá. Người dạy sẽ có nhiều “đất diễn” trên bục giảng hơn, sẽ trở lên thú vị hơn trong mắt người học và gây được hiệu ứng tích cực trong giờ học.

Công tác điều tra, nghiên cứu đầy đủ sở thích của người sử dụng sách giáo khoa, để nắm bắt xu hướng sở thích của người học các nước, truyền thống văn hoá, động cơ và tâm lý nhân cách khác nhau đã đang được quan tâm một cách đúng mực. Điều này được thể hiện trong một số giáo trình mới xuất bản và được đưa vào sử dụng gần đây. Điều đó thể hiện thông qua bố cục hợp lý trong giáo trình, việc đầu tư kỹ lưỡng về hình ảnh và tính thú vị, tính thời sự trong những câu thoại, câu chuyện được truyền tải.

8. Nguyên tắc thực tế: Nguyên tắc này đòi hỏi phải xem xét đầy đủ giá trị ứng dụng thực tế của sách giáo khoa, định hướng nội dung văn bản, lựa chọn từ vựng và ngữ pháp, nội dung và phương pháp xây dựng bài tập, thiết lập kịch bản và sắp xếp các mục chức năng, v.v. trong quá trình thiết kế và soạn sách giáo khoa. Điều này có lợi cho việc thực hiện mục tiêu chung của sách giáo khoa để đáp ứng nhu cầu thực tế của người học trong học tập và cuộc sống hiện nay. Bên cạnh đó, nó còn có lợi cho việc đáp ứng nhu cầu của người học về mục đích và phương pháp sử dụng ngôn ngữ đích trong tương lai.

Sách giáo khoa được viết phải làm cho người học cảm thấy “hữu ích sau khi học”, cho dù đó là sử dụng luôn hay trong tương lai. Sách giáo khoa có tính thực tiễn cao tạo điều kiện thuận lợi cho người giảng dạy.

IV. Xu hướng biên soạn giáo trình Hán ngữ trong những năm gần đây

Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, thành lập năm 1985, hàng năm đều xuất bản hơn 1000 loại sách giấy và hơn 300 loại sách điện tử.^{§§}

Đến nay giáo trình giảng dạy Hán ngữ cho người nước ngoài xuất bản tại đây đạt hơn 3700 loại sách. Những giáo trình tiêu biểu gần đây phải kể đến như: “Tân giáo trình Hán ngữ ứng dụng”; “Giáo trình Hán ngữ”, “Giáo trình phát triển Hán ngữ”, “Giáo trình tiêu chuẩn HSK”, “Giáo trình Vườn Hán ngữ”, “Giáo trình học tiếng Trung thật dễ”; “Giáo trình Hán ngữ khái niệm mới”, “Giáo trình 360 câu đàm thoại tiêu chuẩn tiếng Hán”....

Hiện tại có hơn 3000 trường Đại học và hơn 5000 trường cấp tiểu học, THCS, THPT của hơn 178 nước trong khu vực và trên thế giới sử dụng giáo trình của Nhà xuất bản Ngôn ngữ Bắc Kinh và những giáo trình mới xuất bản gần đây đều có nhiều đổi mới theo những xu hướng hiện hành. Dưới đây là 05 xu hướng nổi bật trong biên soạn giáo trình Hán ngữ.

4.1. Xu hướng học thi kết hợp

Một khái niệm mới được đưa ra đó là khái niệm “kết hợp giữa thi cử và giảng dạy”, “thúc đẩy việc giảng dạy bằng thi cử” và “thúc đẩy việc học bằng thi cử”. Một số bộ giáo trình có thể đáp ứng được nhu cầu này phải kể đến như: “Giáo trình Tiêu Chuẩn Hán Ngữ HSK”. Bộ giáo trình đã có sự chuyển đổi từ hình thức “dạy riêng thi riêng” sang hình thức “thi và dạy kết hợp”.

“Thi và dạy kết hợp” sẽ gắn kết hai công tác học tập và thi cử lại với nhau, mục đích chính là lấy việc thi thúc đẩy việc học và lấy việc thi thúc đẩy việc dạy. Sự chuyển đổi giữa việc “dạy và thi tách biệt” sang “học thi kết hợp” hoàn toàn phù hợp với nhu cầu thực tế của người học trong giai đoạn hiện tại.

Từ góc độ biên soạn hay giảng dạy tiếng Trung, người dạy đều cần tuân theo yêu cầu của “đề cương giảng dạy”, lấy mục tiêu thi làm mục tiêu giảng dạy, từ đó kết hợp việc biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy, nội dung và hình thức thi HSK làm định hướng trong việc giảng dạy và học tập, thiết lập thi Hán ngữ làm mục tiêu của dạy và học.

4.2. Xu hướng bản địa hoá giáo trình

Căn cứ vào số liệu của tổng biên tập Nxb Đại học Bắc Kinh, ông Dương Lập Phạm, đến thời điểm năm 2019 nước Pháp đã có 08 đầu sách bản địa hoá, Arap có 02 đầu sách, Indo: 02 đầu sách, Thái Lan: 04 đầu sách.

Ngoài ra Nxb Hoa ngữ cũng đưa ra giáo trình “Hán ngữ tương tác” (Interactive Chinese) với 10 loại ngôn ngữ khác nhau, tiêu thụ được hơn 50 nghìn bộ sách.

Bộ “900 câu Hán ngữ”, Nxb Giảng dạy và nghiên cứu ngoại ngữ xuất bản năm 2009, dự kiến sẽ có 14 ngôn ngữ như Anh, Đức, Ý, Nhật, Hàn... phục vụ cho 50 nước trên thế giới, mức tiêu thụ đạt tới 500 nghìn bộ sách.^{¶¶}

Tài liệu giảng dạy tiếng Trung ở Việt Nam vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu học tiếng Trung ngày càng tăng. Hầu hết

§§ <http://jobs.blcu.edu.cn/front/zpxx.jsa?tid=105577>

¶¶ <http://jobs.blcu.edu.cn/front/zpxx.jsa?tid=105577>

các giáo trình Hán ngữ địa phương được biên soạn có chất lượng chưa cao, chưa phù hợp với người học và đặt biệt chưa ưu việt bằng những bộ sách được xuất bản tại Trung Quốc. Vì vậy, hầu hết các đơn vị giảng dạy tiếng Trung đều sử dụng sách giáo khoa tiếng Trung của Trung Quốc đại lục, Đài Loan, Hồng Kông làm sách giáo khoa chính thức.

Giáo sư Wu Yinghui trong “Thảo luận về đặc điểm của sách giáo khoa tiếng Hoa bản địa hiện có ở Việt Nam” cho rằng: (1) Hợp tác Việt - Trung là con đường duy nhất trước khi tự biên soạn sách giáo khoa thành thực; (2) Lồng ghép các khóa đào tạo tiếng Trung với nhiều cơ sở khác nhau để biên soạn sách giáo khoa phù hợp thực tế của địa phương; (3) Chấn chỉnh hiện tượng biên soạn sách giáo khoa hiện nay; (4) Tăng cường ngôn ngữ so sánh văn hóa làm nổi bật tính thích hợp của tài liệu giảng dạy.

4.3. Xu hướng thú vị hoá giáo trình

Nhà nghiên cứu Song Bingzheng (1991) trong “Vấn đề biên soạn sách giáo khoa tiếng Trung sơ cấp”, đã chỉ ra rằng công tác biên soạn sách giáo khoa hiện nay ở Trung Quốc về mặt nội dung và hình thức của văn bản, có thể nhận thấy “Nhiều câu thoại trong sách giáo khoa cứng nhắc, khô cứng, giống như câu hỏi và câu trả lời trong cuộc thẩm vấn, thiếu tính thực tế trong giao tiếp thông thường và chỉ phục vụ cho mục đích cho việc mô tả ngữ pháp và chức năng ngữ pháp.

Nhà nghiên cứu Li Xiaoliang (1996) người Mỹ trong “Một số vấn đề trong dạy tiếng Trung như một ngoại ngữ” cho rằng:

Hội thoại trong các giáo trình khá nhàm chán. Sử dụng câu không liên quan, mất tự nhiên để minh họa cho chủ điểm ngữ pháp.

Ngôn ngữ trong văn sinh động, vui nhộn và đầy tính hài hước, ngôn ngữ thể hiện sự thích thú.

Trong những năm gần đây, nhiều giáo trình Hán ngữ đã thay đổi và lồng ghép nhiều yếu tố thú vị trong bài khóa, đặt câu, hoặc những phần đọc thêm.

Ví dụ như bài khóa bài 13 trong giáo trình “跟我学汉语” có đoạn hội thoại như sau:

马克:需要我带什么东西吗?

Mark: Tôi có cần mang theo gì không?

玛丽:不用了, 你带肚子来就行了。

Mary: Không, mang bụng đi là được rồi.

Hay trong bài 5 bài khóa số 1 giáo trình “标准教程HSK4 (上)” khi mua bộ sơ pha giảm giá, có đoạn hội thoại như sau:

王静: 价格好可以, 就是不知道质量有没有保证。

Vương Tịnh: Giá cả thì cũng vừa phải, nhưng chất lượng không biết có đảm bảo hay không.

售货员: 您放心, 质量肯定不 “打折”...

Nhân viên: Chị yên tâm, giảm giá không giảm chất lượng...

Có thể thấy, ngôn ngữ của bộ giáo trình gần gũi với cuộc sống và đầy tính hài hước khiến người xem cảm thấy ấm lòng và không thể không mỉm cười. Có rất nhiều ngôn ngữ hài hước, bài vắn í dỏm và gần gũi với cuộc sống hàng ngày được thể hiện trong những giáo trình mới xuất bản gần đây. Hài hước và vui nhộn, ngôn ngữ gần gũi với cuộc sống sẽ làm tăng cảm giác của người đọc thay thế và kéo

gần khoảng cách với người học.

Trong những năm gần đây, với sự phát triển không ngừng của tiếng Trung, việc biên soạn giáo trình dạy tiếng Trung như một ngoại ngữ được đẩy mạnh, số lượng lớn và phong phú các tài liệu dạy tiếng Trung cho người nước ngoài đã xuất hiện. Việc nghiên cứu tính thú vị trong giáo trình tiếng Trung, ảnh hưởng trực tiếp đến triển vọng phát triển của việc dạy học tiếng Trung như một ngoại ngữ.

Sau nửa thế kỷ không ngừng sáng tạo và tìm tòi, việc xây dựng tài liệu dạy tiếng Trung Quốc đã có những bước phát triển vượt bậc, có thể đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học tiếng Trung.

4.4. Xu hướng thực tế, thiết thực

Nguyên tắc thực tiễn của tài liệu giảng dạy tiếng Trung Quốc như một ngoại ngữ chỉ ra rằng nội dung của tài liệu giảng dạy tiếng Trung Quốc như một ngoại ngữ phải căn cứ vào nhu cầu của người học, cần thiết để người học tiến hành các hoạt động giao tiếp, có thể được ứng dụng ngay trong cuộc sống, đồng thời cũng là niềm phấn khích để người học nắm vững.

Với sự phát triển của giáo học pháp trong giảng dạy ngôn ngữ thứ hai và sự gia tăng của các trường học chú trọng đến tính thực tiễn của việc giảng dạy ngôn ngữ, chẳng hạn như phương pháp chức năng và phương pháp nhận thức, người ta ngày càng nhận ra rằng tính thực tiễn đóng một vai trò quan trọng trong việc giảng dạy ngôn ngữ thứ hai, vì vậy tính thực tiễn của giáo trình đặc biệt quan trọng. Chỉ có tài liệu giảng dạy thực tế mới có thể đáp ứng được giao tiếp hàng ngày của con người và chỉ có tài liệu giảng dạy thiết thực mới có thể khơi dậy lòng hăng say học tập của người học. Nguyên tắc thực tế thực dụng trong việc biên soạn tài liệu giảng

dạy tiếng Trung cho đối tượng người học cũng đã trở thành tâm điểm chú ý trong những năm gần đây. Tuy nhiên, những vấn đề thực tiễn trong giáo trình dạy tiếng Trung Quốc như một ngoại ngữ vẫn chưa được giải quyết tốt, còn nhiều vướng mắc.

Giáo trình cần phải căn cứ vào nhu cầu của người học, cần thiết để người học tiến hành các hoạt động giao tiếp, có thể được ứng dụng ngay trong cuộc sống, đồng thời giáo trình đó phải tạo cho giáo viên cảm thấy thuận tiện trong việc giảng dạy kiến thức, giúp người học dễ dàng tiếp thu.

Việc biên soạn nội dung tài liệu giảng dạy cần liên kết chặt chẽ giữa các điểm ngữ pháp và tính thực tiễn của ngôn ngữ nói, đồng thời tối ưu hóa sự cân bằng giữa hai yếu tố này.

Việc lựa chọn chủ đề cho giáo trình Hán ngữ cần dựa trên thực tế và việc lựa chọn chủ đề phải phù hợp với cuộc sống hàng ngày của người học, tức là người học có thể sử dụng sau khi rời lớp học.

4.5. Xu hướng biên soạn giáo trình điện tử

Việc dạy học ngôn ngữ thứ hai trong xã hội hiện đại đã và đang ngày càng phát triển theo hướng sử dụng đầy đủ các phương tiện khoa học công nghệ và phương tiện giáo dục hiện đại. Việc thiết kế và biên soạn tài liệu giảng dạy không nên chỉ giới hạn ở một hoặc hai cuốn sách giáo khoa mà cần quan tâm đến việc hỗ trợ sách dạy học, sản xuất văn bản nghe nhìn và sử dụng các phương pháp giáo dục hiện đại. Khái niệm sách giáo khoa hẹp truyền thống đang phát triển theo hướng quan niệm sách giáo khoa rộng rãi hiện đại. Điều này đòi hỏi việc thiết kế và biên soạn tài liệu giảng dạy không chỉ bao gồm thiết kế và biên soạn sách giáo khoa mà còn

biên soạn và sản xuất sách bài tập, sách giáo viên, tài liệu đọc ngoại khóa, băng lật, băng ghi âm, băng hình và CD-ROM, những tài liệu điện tử tạo sự thuận tiện cho giáo viên trong việc tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp và các hoạt động học tập ngoại khóa một cách linh hoạt, đa dạng, gắn kết tốt hơn giữa việc học trên lớp và ngoại khóa, thuận tiện cho người học. ngôn ngữ đích thông qua nhiều phương tiện và phương pháp, và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học với các phong cách học tập khác nhau.

Tiếp cận kiến thức thông qua âm thanh, hình ảnh, 3D, video, khiến phương thức tiếp cận kiến thức được linh hoạt, thú vị hơn, trực quan hơn, góp phần nâng cao hứng thú trong học tập cho người học. Là sự kết hợp giữa giáo viên và tài liệu giảng dạy thông qua phương thức biểu đạt linh hoạt, trực quan, nhanh chóng. Tích hợp tất cả các tài liệu giảng dạy, học tập, hướng dẫn học tập, bài tập, thực hành thực tế, tài liệu tham khảo, tài liệu mở rộng. Thuận tiện cho việc học tập và lưu trữ.

Tóm lại, việc dạy học tiếng Trung như một ngoại ngữ đang phát triển nhanh chóng, sách giáo khoa là cơ sở của việc giảng dạy. Sách giáo khoa phải phù hợp với điều kiện địa phương, tiên phong đổi mới, theo kịp thời đại và hỗ trợ nhiều hơn cho sự phát triển của tiếng Trung.

V. Kết luận

Xu hướng biên soạn giáo trình Hán ngữ trong những năm gần đây đã có sự thay đổi cả về chất và lượng, cụ thể hơn, người biên soạn đã ý thức tốt hơn về tính khoa học, đã bỏ nhiều công sức điều tra nghiên cứu tâm lý người học, quan tâm hơn đến thiết kế bài giảng, bố cục cuốn sách khoa học hơn, nội dung thực tế hơn, văn bản được rút ngắn hơn, đa dạng hơn về phong cách và cách tiếp cận kiến thức.

Công tác biên soạn giáo trình Hán ngữ trong những năm qua đạt được rất nhiều thành tựu nổi bật, nhưng bên cạnh đó cũng còn nhiều những vấn đề tồn tại. Làm sao để có được bộ giáo trình “mới” hơn so với những giáo trình đã có, làm sao để có được bộ giáo trình khoa học, phù hợp với từng độ tuổi, từng quốc gia, dân tộc; làm sao để có được bộ giáo trình thú vị thu hút người học, nâng cao cảm hứng học tập.... Đây là những vấn đề mà các nhà khoa học luôn trăn trở và theo đuổi.

Bản địa hoá và điện tử hoá giáo trình trong những năm gần đây được đặc biệt quan tâm, trong đó có Việt Nam. Hy vọng trong thời gian tới có nhiều hơn những giáo trình Hán ngữ, có nhiều hơn những giáo trình, tài liệu điện tử do các nhà khoa học Việt Nam biên soạn riêng cho người Việt Nam, góp phần tự chủ, nâng cao chất lượng giảng dạy Hán ngữ tại Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

- [1] Sun Rong, Quá trình 40 năm phát triển công tác biên soạn giáo trình Hán ngữ quốc tế , Giáo dục Hán ngữ Quốc tế, (2018) 04.
- [2]Zhou Jinghan, “一带一路” 背景下对外汉语教材编写探索, Giảng dạy giáo trình mới (Bản điện tử), (2020)24.
- [3]Zhang Ling, Zhang Chen, 对外汉语教材立体化建设和出版研究, 中国出版, (2020) 21.
- [4]Yu Haikuo, 汉语国际教育中教材研发的多元化与国别化, Giáo dục Đại học Trung Quốc (2020) 09.
- [5]Tuan Wenxian,汉语教程使用情况分析, Đại học Đại Lý, (2020).
- [6]Yan Xiaoyu,面向东南亚国家的跨文化交际教材的编写原则, Thanh niên và xã hội, (2018) 33.

Địa chỉ tác giả: Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

Email: hungnguyen_888@yahoo.com.vn